

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – TKV



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5700100707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25/06/2010 và đăng ký thay đổi lần 7 ngày 27/05/2014)

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (084-3) 33862 063 Fax: (084-3) 33862 908

Website: vmts.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Nguyễn Mạnh Cường**

Chức vụ: Phó Giám Đốc

Số điện thoại: (084-3) 33862 063

Số Fax: (084-3) 33862 908

MỤC LỤC

I.	CÁC KHÁI NIỆM.....	1
II.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	2
1.	Giới thiệu chung về công ty đại chúng.....	2
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	3
3.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty:	4
4.	Cơ cấu cổ đông.....	7
5.	Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết:	8
6.	Hoạt động kinh doanh.....	9
7.	Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm 2012 và năm 2013 ..	14
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	16
9.	Chính sách đối với người lao động.....	18
10.	Chính sách cổ tức.....	19
11.	Tình hình tài chính	19
12.	Tài sản (Nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)	22
14.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của công ty đại chúng	28
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có).....	28
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	29
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.....	29
2.	Ban kiểm soát.....	34
3.	Giám đốc và các cán bộ quản lý	35
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	35
IV.	PHỤ LỤC	36

I. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

HĐQT	:	Hội đồng quản trị
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	:	Một thành viên
CTCP	:	Công ty cổ phần
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
GTDN	:	Giá trị doanh nghiệp
BCTC	:	Báo cáo tài chính
TSCĐ	:	Tài sản cố định
QLDN	:	Quản lý doanh nghiệp
LN	:	Lợi nhuận
GCNQSDĐ	:	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
TCT	:	Tổng công ty
CN	:	Chi nhánh
Tập đoàn	:	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
BCTC	:	Báo cáo tài chính năm 2012, năm 2013 là báo cáo do Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin lập đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Chứng khoán năm 2010 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Giới thiệu chung về công ty đại chúng

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Tên tiếng Anh : VINACOMIN - Materials Trading Joint Stock Company
Tên viết tắt : MTS
Trụ sở chính : Phường Cẩm Đông, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại : (033) 3862 063
Fax : (033) 3862 908
Website : <http://www.vmts.vn>
Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng
(Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)
- Giấy CNĐKKD : Số 5700100707 cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 05 năm 2014 tại Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Quảng Ninh
- Ngành nghề kinh doanh chính :
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Bán buôn tổng hợp;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
 - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
 - Đóng tàu và cầu kiện nổi;
 - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe cộ động cơ khác);
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
 - Nuôi trồng thủy sản biển;
 - Trồng rừng và chăm sóc rừng;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Chuẩn bị mặt bằng;
 - Xây dựng nhà các loại;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Quảng cáo;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV tiền thân là Xí nghiệp Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ trực thuộc Công ty Than Cẩm Phả - Tổng công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam), được thành lập vào tháng 05/1996 trên cơ sở nâng cấp Xí nghiệp Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ thuộc Công ty Than Cẩm Phả (thành lập năm 1960) thành Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ theo Nghị định 27/NĐ-CP của Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ của Tổng công ty Than Việt Nam.

Ngày 08/11/2006 Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 2467/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ thành Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV.

Theo Quyết định số 3127/QĐ-BCT ngày 15/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Công thương, Công ty chuyển sang mô hình Công ty TNHH MTV trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin).

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 314/QĐ-TTg phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015. Theo đó, Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin là một trong những đơn vị sẽ thực hiện cổ phần hóa chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Ngày 03/04/2013 Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 526/QĐ - Vinacomin về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin.

Ngày 15/04/2014, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập công ty cổ phần.

Ngày 01/05/2014, Công ty Cổ phần Vật tư – TKV chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng. Và tính đến thời điểm hiện tại vốn điều lệ của Công ty không có sự thay đổi, duy trì ở mức 150 tỷ đồng.

- Phòng Thương mại: Chức năng chính là quản lý và tham mưu cho lãnh đạo về công tác quản lý vật tư, kinh doanh thương mại trong công ty; trực tiếp tổ chức hoạt động kinh doanh; quản lý các thương hiệu và các hoạt động xúc tiến thương mại của công ty.
 - Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Chức năng chính là quản lý và tham mưu cho lãnh đạo về công tác xây dựng kế hoạch; công tác khoán và quản trị chi phí; công tác đầu tư - xây dựng cơ bản; công tác bảo hiểm hàng hóa, phương tiện, thiết bị; công tác điều hành sản xuất; công tác phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn.
 - Phòng Kiểm soát nội bộ: Chức năng chính là quản lý và tham mưu cho lãnh đạo về công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro: công tác kiểm toán nội bộ, công tác thanh tra, công tác pháp chế.
- **Các đơn vị trực thuộc:**
 - **Chi nhánh Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai:**
Chức năng chính là: Kinh doanh vật tư, thiết bị, cung ứng xăng dầu cho khu vực thị trường Hạ Long, Uông Bí, Mạo Khê. Cung ứng dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hóa trên bộ.
 - **Chi nhánh Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả:**
Chức năng chính là: Kinh doanh vật tư, thiết bị, cung ứng xăng dầu cho khu vực thị trường Cẩm Phả. Sản xuất sản phẩm dầu nhờn COMINLUB. Cung ứng dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hóa trên bộ.
 - **Chi nhánh Xí nghiệp Vận tải Xếp dỡ:**
Chức năng chính là: Cung ứng dịch vụ bốc xếp hàng hóa trên biển, dịch vụ vận tải đường thủy. Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy và các cấu kiện nổi khác.
 - **Chi nhánh Hà Nội :**
Chức năng chính là: Kinh doanh vật tư, thiết bị nhập khẩu. Thực hiện dịch vụ xuất - nhập khẩu ủy thác.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần, gồm:

➤ **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định các vấn đề sau:

- Thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn với loại cổ phần đó;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT, BKS;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ;
- Quyết định loại và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Quyết định đầu tư, quyết định giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
- Các quyền khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

➤ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.

HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo đề nghị của Giám đốc Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Đề xuất mức chia cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

➤ **Ban kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, gồm 3 thành viên. BKS có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc. BKS có quyền và trách nhiệm như sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ công ty.

➤ **Ban Giám Đốc**

Ban Giám Đốc Công ty gồm Giám Đốc, 3 Phó Giám đốc, 1 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm. Các thành viên Ban Giám đốc có thể đồng thời là thành viên

HĐQT và được HĐQT bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn.

Giám đốc có quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua;
- Quyết định các vấn đề không cần nghị quyết của HĐQT bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo lên các cơ quan này khi được yêu cầu;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ công ty và các quy chế của công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.

Các Phó Giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công ủy nhiệm.

5. Cơ cấu cổ đông

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến ngày 30/6/2014):

STT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/CMT	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Số 5700100256 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/3/2011	226 Lê Duẩn, P.Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội	10.587.730	70,58
2	Công ty TNHH MTV Đại Vạn Phú	Số 0304007430 do Sở KHĐT TP.HCM cấp ngày 24/4/2013	26 Đinh Tiên Hoàng, ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	1.000.000	6,67
3	Tạ Quang Tuấn	Số 100587746 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 14/10/2004	Tổ 11, Khu 9, P.Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh	763.900	5,09
Tổng				12.351.630	82,34

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

5.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 30/6/2014): không có

5.3. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 30/6/2014:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	0	0	0
2	Cổ đông phổ thông khác	15.000.000	150.000.000.000	100,00
	Tổng	15.000.000	150.000.000.000	100,00
1	Cổ đông trong nước	15.000.000	150.000.000.000	100,00
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổng	15.000.000	150.000.000.000	100,00
1	Cổ đông pháp nhân	11.592.730	115.927.300.000	77,28
2	Cổ đông thể nhân	3.407.270	34.072.700.000	22,72
	Tổng	15.000.000	150.000.000.000	100,0
1	Cổ đông Nhà nước	10.587.730	105.877.300.000	70,58
2	Cổ đông khác	4.412.270	44.122.700.000	29,42
	Tổng	15.000.000	150.000.000.000	100,00

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

- Tổng số cổ phần của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng (*): 797.416 cổ phần.
- Tổng số cổ phần của cán bộ công nhân viên Công ty (không thuộc các đối tượng *): 2.104.454 cổ phần.
- Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm: 402.470 cổ phần (số cổ phần cán bộ công nhân viên Công ty đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn cam kết tiếp tục làm việc trong doanh nghiệp cổ phần hóa).

6. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết:

- ✓ Công ty mẹ: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- ✓ Công ty con: không có
- ✓ Công ty mà Công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: không có
- ✓ Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

❖ *Dịch vụ cung ứng vật tư, xăng dầu*

Dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị, xăng dầu được Công ty triển khai từ những năm đầu thành lập, trở thành mảng kinh doanh chính của Công ty với tỷ trọng doanh thu hàng năm trên 90%.

Về vật tư thiết bị, Công ty cung cấp vật tư thiết bị cho ngành khai thác khoáng sản và xây dựng hạ tầng cơ sở mở như: phụ tùng vật tư thay thế, bảo dưỡng sửa chữa các loại máy công trình, phương tiện vận tải, thiết bị khai thác mỏ lộ thiên, thiết bị khai thác hầm lò với chất lượng cao, có nguồn gốc từ các nước như Mỹ, Đức, Nga, Nhật Bản, Thụy Điển, Hàn Quốc,... và được sản xuất bởi các hãng uy tín như CAT, KOMATSU, BELAZ, SCANIA, VOLVO, HUYUNDAI, SAMSUNG, HITACHI, KAWASAKI, FURUKAWA, TAMAROCK, DONGFENG, HOWO, KAMAZ, KRAZ; các thiết bị khai thác hầm lò có nguồn gốc từ Úc, Nga, Ucraina, Ba Lan, Trung Quốc.

Về mảng kinh doanh xăng dầu, Công ty hiện đang cung ứng các loại xăng, dầu DO, dầu nhờn, mỡ máy... chủ yếu phục vụ lĩnh vực khai thác khoáng sản và đang dần tiếp cận các nguồn tiêu thụ khác nhằm đa dạng hóa thị trường đầu ra. Các loại xăng dầu của Công ty đều được nhập từ các đối tác uy tín như Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tổng công ty xăng dầu, Tổng công ty xăng dầu Quân đội - Bộ Quốc phòng... trong khi dầu gốc và nguyên liệu sản xuất dầu nhờn được nhập từ thị trường Singapore, Đài Loan nên nguồn cung tương đối ổn định. Với hệ thống kho tàng, bể chứa có mặt trên toàn bộ địa bàn khu công nghiệp Mở Quảng Ninh, Công ty đang cung cấp tới 95% lượng nhiên liệu (xăng, dầu DO, dầu FO) phục vụ cho công nghiệp khai thác than, nhiệt điện trên địa bàn.

❖ *Sản xuất dầu nhờn Cominlub*

Xuất hiện trên thị trường từ những năm 1997, sau quá trình liên tục nghiên cứu, nâng cao chất lượng sản phẩm song song với việc đầu tư phát triển các dòng sản phẩm mới, đến nay, thương hiệu dầu nhờn Cominlub của Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả - Công ty Cổ phần Vật tư - TKV đã trở nên rất quen thuộc với các đơn vị trong ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam. Một số sản phẩm tiêu biểu của đơn vị đã tạo được dấu ấn như: Dầu thủy lực cao cấp, dầu truyền động chống ăn mòn, chống tạo bọt, độ bền ô xy hóa cao; Dầu nhũ thủy lực cho cột chống thủy lực trong các mỏ hầm lò. Hiện Công ty đã xác định mục tiêu tập trung vào chiến lược đổi mới toàn diện chất lượng, không ngừng mở rộng và chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài Tập đoàn.



Dây chuyền sản xuất dầu nhờn Cominlub



Công ty tham gia triển lãm "Quảng Ninh 50 năm hội tụ và lan tỏa"

❖ Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển than

Với vai trò là đơn vị hậu cần của ngành than, hoạt động xếp dỡ, vận chuyển than cũng như hàng hóa khác là mảng hoạt động truyền thống trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với uy tín và kinh nghiệm lâu năm, dịch vụ vận tải của Công ty (trong đó vận tải thủy nội địa là chủ yếu) hiện đang chiếm lĩnh phần lớn thị phần trong nội bộ ngành, với đầu ra được đảm bảo ổn định. Với đội tàu và sà lan được đầu tư nâng cấp thường xuyên, công suất vận tải thủy của Công ty trong 3 năm gần đây liên tục đạt xấp xỉ 1 triệu tấn mỗi năm.

Bên cạnh dịch vụ vận tải nội địa phục vụ nhu cầu than trong nước, đối với mảng xuất than, Công ty cũng đã xây dựng và vận hành Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ cung ứng dịch vụ bốc xếp tại các cảng. Tới nay, mảng dịch vụ này vẫn đang mang lại doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho Công ty khi tỷ trọng giá trị sản xuất của hoạt động bốc xếp chiếm tới khoảng 18% tổng giá trị sản xuất trong 3 năm gần đây.

Tuy nhiên, theo Chiến lược phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2025, Chính Phủ sẽ điều tiết kế hoạch sản xuất nhằm mục đích giảm dần sản lượng xuất khẩu, khiến ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng bốc xếp của Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ nói riêng và các hoạt động hậu cần ngành than khác của Công ty nói chung. Theo đó, doanh thu và lợi nhuận của Công ty có thể sẽ sụt giảm trong những năm tới.

Một số hình ảnh về hoạt động của Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ:



❖ **Sản phẩm cơ khí**

Sản phẩm cơ khí của Công ty hiện tại chủ yếu là sửa chữa, nâng cấp, đóng mới máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động dịch vụ bốc xếp, vận tải của Công ty cũng như khai thác mỏ của một số đơn vị trong ngành.

Một số hình ảnh về hoạt động phân xưởng cơ khí của Công ty:



❖ **Hoạt động khác:**

• **Hàng bảo hộ lao động**

Sản phẩm hàng bảo hộ lao động của Công ty chủ yếu phục vụ ngành khai thác mỏ và có đầu ra ổn định là các đơn vị trong cùng Tập đoàn.

• **Nuôi trồng thủy sản, trồng rừng**

Hiện nay Công ty đang được giao quản lý trồng và bảo vệ rừng trên diện tích 430.000 m² tại đảo Vạn Duệ. Công ty đang trồng keo tai tượng phủ xanh đảo để bảo vệ môi trường. Với tinh thần chủ động, sáng tạo của cán bộ công nhân viên Công ty, diện tích rừng này không những được bảo vệ, quản lý tốt mà còn được khai thác hiệu quả thông qua các hoạt động nuôi trồng thủy sản, vật nuôi.

7.2. Tình hình hoạt động kinh doanh

❖ **Cơ cấu doanh thu qua các năm**

Tỷ lệ doanh thu các sản phẩm dịch vụ của Công ty qua các năm như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	2012		2013		01/01/2014 - 30/04/2014		01/05/2014 - 30/06/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng hóa	5.892.262	92,87%	5.737.356	92,59%	1.727.641	92,56%	1.050.577	96,96%
Doanh thu bán thành phẩm	233.495	3,68%	261.628	4,22%	83.553	4,48%	1.826	0,17%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	218.833	3,45%	197.667	3,19%	55.286	2,96%	31.118	2,87%
Tổng doanh thu	6.344.590	100%	6.196.651	100%	1.866.480	100%	1.083.521	100%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty CP Vật tư - TKV)

❖ Nguyên vật liệu, và sự ổn định của nguồn nguyên liệu

Trong các hạng mục SXKD của Công ty, hạng mục sản xuất và kinh doanh dầu bôi trơn sử dụng nguyên liệu là các loại dầu gốc, phụ gia. Dầu gốc nhập khẩu 100%, tất cả các loại phụ gia sản xuất dầu bôi trơn máy móc, phương tiện vận tải đều nhập khẩu 100%, được cung cấp bởi đối tác truyền thống của Công ty. Phụ gia để sản xuất dầu nhũ hóa thủy lực được cung cấp bởi công ty trong nước, là đối tác cùng phát triển sản phẩm với công ty trong hơn 10 năm. Nguồn nguyên liệu luôn ổn định, đảm bảo dự trữ cho sản xuất trong ít nhất 09 tháng.

Trong những năm qua, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, nền kinh tế đất nước cũng chịu ảnh hưởng suy giảm kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu liên tục biến động bất thường. Sự biến động của nguồn nguyên liệu của Công ty chịu sự ảnh hưởng biến động của giá cả xăng dầu, điện (đây là nguồn nguyên liệu chịu sự biến động liên tục). Bên cạnh đó, những nguyên, nhiên liệu chính cho hoạt động sản xuất của Công ty được nhập khẩu khiến chi phí đầu vào không những chịu tác động từ biến động giá trên thị trường quốc tế mà còn chịu tác động không nhỏ của tỷ giá ngoại tệ (USD).

Chi phí đầu vào biến động sẽ làm ảnh hưởng đến tình hình SXKD và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, do nguồn nguyên liệu của Công ty được cung cấp bởi các khách hàng truyền thống, có mối quan hệ lâu dài nên sự ổn định giá cả nguyên vật liệu là tương đối. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng được định mức dự trữ nguyên nhiên liệu phù hợp nên đảm bảo duy trì sản xuất diễn ra liên tục khi nền kinh tế có sự biến động lớn về giá cả nguyên vật liệu.

❖ Trình độ công nghệ

Hiện nay Công ty đang từng bước thay đổi công nghệ trong sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Về sản xuất dầu nhờn, Công ty đã áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại nhất, kết hợp với nguồn nguyên liệu tốt để có thành phẩm chất lượng cao;
- Về bốc xếp hàng hóa, Công ty đã trang bị nhiều thiết bị hiện đại như gầu ngoạm điều khiển từ xa, nhà nổi cho công nhân làm việc...;
- Về vận chuyên thủy, Công ty đã đóng mới, hoán cải, sửa chữa nâng cấp cho rất nhiều đoàn phương tiện;
- Về kinh doanh nhiên liệu ở các kho khai trường, kho trung chuyển, cửa hàng bán lẻ, Công ty áp dụng rất nhiều công nghệ quản lý hiện đại, tiên tiến như: Que đo bồn, máy in hóa đơn tự động, quản lý vòi bơm PLC, camera an ninh, báo cháy tự động, hệ thống giám sát hành trình đối với các xe bồn. Các hệ thống đều hoạt động tốt, có sự liên kết, tương tác với nhau, được truyền lên mạng và tới các trung tâm điều khiển của Công ty và các xí nghiệp thành viên.

❖ Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Công ty đang từng bước ứng dụng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đồng thời dựa trên cơ sở năng lực hiện có để nghiên cứu các sản phẩm mới như dầu nhờn thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD của Công ty.

❖ Hệ thống quản lý

Đối với lĩnh vực sản xuất dầu nhờn, hiện Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng

ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý chất lượng sản xuất dầu nhờn ISO TS 29001:2007. Bản thân Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả cũng có một phòng thí nghiệm sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS 256 áp dụng hệ thống quản lý ISO/IEC 17025:2005, góp phần tạo sự ổn định trong sản xuất, đưa ra thị trường những sản phẩm chất lượng và phục vụ phát triển sản phẩm mới.

Đối với lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Công ty luôn đảm bảo các tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam. Tại Công ty và các Xí nghiệp đều có bộ phận kiểm tra chất lượng, thường xuyên kiểm tra định kỳ, đột xuất, kiểm tra theo chuyên đề hoặc phối hợp cùng với các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng, nhằm đảm bảo việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng được đồng bộ và nhất quán.

❖ Hoạt động Marketing

Bên cạnh bảo hộ nhãn hiệu, Công ty đã từng bước thực hiện các hoạt động marketing đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh của mình. Đối với sản phẩm dầu nhờn, Công ty tổ chức quảng cáo trên tạp chí chuyên ngành, truyền hình Quảng Ninh; đặt in và sản xuất các loại tờ rơi, áo, mũ,... có tên sản phẩm để làm quà tặng cho khách hàng, đối tác; tổ chức súc rửa, thay dầu và cung cấp sử dụng thử miễn phí cho khách hàng. Tất cả các hoạt động này đều được thực hiện theo kế hoạch từ đầu năm và luôn được điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu của khách hàng.

❖ Nhãn hiệu thương mại

Công ty đã đăng ký 02 nhãn hiệu thương mại và đã được Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học công nghệ công nhận năm 2011 (đối với nhãn hiệu “MTS”) và năm 2012 (đối với nhãn hiệu “Cominlub”). Các nhãn hiệu này đều được bảo hộ 10 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận.

❖ Các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02A/HĐ-KH ngày 01/01/2008 giữa Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (nay là CTCP Vật tư - TKV) - Bên A với Công ty Cổ phần Đầu tư Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Bên B. Theo đó hai bên cùng hợp tác góp vốn đóng tàu chở dầu 800m³ theo dự án của MTS để vận chuyển dầu DO phục vụ cho các đơn vị sản xuất than của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, mỗi bên đóng góp 50% tổng vốn đầu tư, thời gian hiệu lực của hợp đồng là 5 năm (sẽ bàn bạc bổ sung văn bản nếu hai bên đồng ý kéo dài thời gian hợp đồng). Tàu chở dầu 800m³ là một tổ sản xuất hạch toán phụ thuộc do MTS quản lý điều hành. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2013), giá trị còn lại của tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác liên doanh này là: 372.198.530 đồng (nguyên giá: 4.626.570.884 đồng, khấu hao lũy kế: 4.254.372.354 đồng)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 77/HĐ-KH ngày 10/06/2009 giữa Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (nay là CTCP Vật tư - TKV) - Bên A với Công ty Cổ phần Đầu tư Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Bên B. Theo đó hai bên cùng hợp tác đầu tư hoá cải tài sản sà lan tự hành chở dầu Hoa Phượng (QN 3124) từ 500 tấn thành 800 tấn theo dự án của MTS để vận chuyển dầu DO phục vụ cho các đơn vị sản xuất Than của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, thời gian hiệu lực của hợp đồng là 5 năm (sẽ bàn bạc bổ sung

văn bản nếu hai bên đồng ý kéo dài thời gian hợp đồng). Sà lan tự hành sau hoán cải trọng tải 800 tấn là một tổ sản xuất, hạch toán phụ thuộc do MTS quản lý. Lợi nhuận sẽ được xác định theo năm tài chính và sẽ được phân chia theo thỏa thuận (bên A 62%, bên B 38%). Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2013), giá trị còn lại của tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác liên doanh là: 250.153.259 đồng (nguyên giá: 4.341.838.169 đồng, khấu hao lũy kế: 4.091.684.910 đồng).

Tại thời điểm 31/12/2013:

- Vốn góp liên doanh của CTCP Đầu tư Vật tư Vận tải và Xếp dỡ là 400.188.843 đồng
- Vốn góp liên doanh của Công ty APP về việc hợp tác liên doanh sản xuất dầu nhờn là: 175.175.497 đồng.

8. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	01/01/2014 - 30/04/2014	1/5/2014 - 30/06/2014
Doanh thu thuần	6.344.590	6.196.651	1.866.480	1.083.521
Lợi nhuận từ HĐKD	20.807	29.619	10.376	9.030
Lợi nhuận khác	11.567	6.392	2.740	1.263
Lợi nhuận trước thuế	32.374	36.011	13.116	10.293
Lợi nhuận sau thuế	24.059	26.340	10.202	8.029

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty CP Vật tư - TKV)

❖ Cơ cấu chi phí SXKD

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		01/01/2014 - 30/04/2014		01/05/2014 - 30/06/2014	
	Giá trị	% D.thu	Giá trị	% D.thu	Giá trị	% D.thu	Giá trị	% D.thu
Tổng doanh thu thuần	6.344.590		6.196.651		1.866.480		1.083.521	
Giá vốn hàng bán	6.091.739	96,01%	5.965.195	96,26%	1.789.418	95,87%	1.040.761	96,05%
Chi phí tài chính	68.739	1,08%	58.270	0,94%	14.285	0,77%	6.181	0,57%
Chi phí bán hàng	107.671	1,70%	105.906	1,71%	39.717	2,13%	22.800	2,10%
Chi phí QLDN	56.841	0,90%	38.165	0,62%	12.778	0,68%	4.810	0,44%
Chi phí khác	1.919	0,03%	4.156	0,07%	452	0,02%	260	0,02%
Tổng chi phí	6.326.909	99,72%	6.171.692	99,60%	1.856.650	99,47%	1.074.812	99,20%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty CP Vật tư - TKV)

Do hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại nên tỷ lệ giá vốn hàng hóa dịch vụ trên tổng chi phí SXKD của Công ty chiếm tỷ trọng lớn.

Trong 3 năm gần đây, giá vốn hàng hóa đã bán vẫn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng giá vốn hàng bán của Công ty.

Trong năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh Vật tư thiết bị và các dịch vụ cảng, đóng mới, sửa chữa máy móc, phương tiện vận tải phục vụ ngành than giảm nhẹ, khiến giá vốn hàng hóa bán ra và giá vốn dịch vụ giảm nhẹ. Giá vốn hàng hóa và giá vốn dịch vụ giảm tương ứng 2% và 12% so với năm 2011, xấp xỉ mức suy giảm doanh thu. Trong khi đó, hoạt động sản xuất dầu nhờn, dầu nhũ thủy lực được mở rộng nên giá vốn cho mảng sản xuất thành phẩm đã tăng 14,5% cao hơn mức tăng doanh thu (9,5%) của mảng sản xuất này, khiến lợi nhuận gộp suy giảm.

Chi phí tài chính có sự gia tăng đáng kể giữa các năm trong khi doanh thu không có sự tăng trưởng lớn. Năm 2011 tỷ lệ chi phí tài chính trên doanh thu là 0,74% thì đến năm 2012 tỷ lệ này đã lên đến 1,08%, sang năm 2013 tỷ lệ này có giảm xuống 0,94%. Điều đó cho thấy tốc độ quay vòng vốn trong kinh doanh chậm lại, khiến Công ty phải đi vay vốn lưu động để kinh doanh, làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty. Để đạt được một đồng doanh thu, Công ty cần phải bỏ ra một lượng lớn chi phí tài chính do dòng vốn lưu động không đủ để đáp ứng được nhu cầu kinh doanh. Nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng chi phí tài chính của Công ty là do tình hình sản xuất tiêu thụ than của Tập đoàn gặp khó khăn, tiến độ thanh toán công nợ của các đơn vị trong ngành với Công ty diễn ra chậm, nợ phải thu thường xuyên tăng cao đã dẫn đến việc Công ty phải huy động tối đa hạn mức vay tại các ngân hàng để đảm bảo việc cung ứng vật tư, xăng dầu cho các đơn vị trong ngành duy trì sản xuất.

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý nhằm kiểm soát các khoản chi phí tiết kiệm để đảm bảo tỷ lệ chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu sẽ giảm xuống, làm tăng hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

❖ Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

• Thuận lợi

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV là đơn vị hậu cần cho ngành sản xuất than với nhiệm vụ chính là cung ứng hàng hóa, vật tư, thiết bị và các dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, nên có nguồn đầu ra khá ổn định. Đây được coi là lợi thế của Công ty so với các đơn vị cùng ngành nghề kinh doanh nhưng nằm ngoài Tập đoàn.

Với trên 50 năm hoạt động, Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quản lý và vận hành cũng như đã xây dựng được mối quan hệ tin cậy với các đối tác và uy tín đối với khách hàng.

• Khó khăn

Khó khăn chung của nền kinh tế trong thời gian qua chịu sự ảnh hưởng bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua trong dân giảm. Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại. Những khó khăn của nền kinh tế thế

giới và trong nước có ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình SXKD của Công ty.

Tình hình SXKD của Tập đoàn hiện đang gặp rất nhiều khó khăn, sau những năm giá bán than ở mức cao thì từ năm 2012 giá than trên thị trường thế giới đã và đang sụt giảm mạnh. Điều này đã làm cho lượng than tồn kho tăng cao, giá thành cao hơn giá bán. Vì các sản phẩm dịch vụ của Công ty chủ yếu cung ứng cho ngành than nên hoạt động SXKD của Công ty chịu ảnh hưởng rất nhiều: Các lĩnh vực bốc xếp, chuyên tải, kinh doanh xăng dầu, vật tư thiết bị đều bị sụt giảm nghiêm trọng, đặc biệt nếu ngừng xuất khẩu than thì lĩnh vực chuyên tải, bốc xếp than xuất khẩu cũng sẽ chấm dứt.

Công nợ phải thu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình SXKD của Công ty. Phần lớn các khoản công nợ này đều là các khoản công nợ của các khách hàng trong nội bộ Tập đoàn. Do tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, giá trị từ xuất khẩu than giảm sút dẫn tới khả năng thanh toán các khoản công nợ của khách hàng cũng giảm theo, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ công nợ phải thu/Tổng giá trị tài sản của Công ty chiếm tỷ trọng lớn, tại thời điểm cuối năm 2012 là 50%, thời điểm 31/12/2013 là 61%. Do khả năng thu hồi công nợ thấp nên để đảm bảo phục vụ SXKD của Tập đoàn, Công ty đã phải vay vốn ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, khiến chi phí tài chính tăng làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty.

Theo định hướng của Chính phủ thì lượng than xuất khẩu đang giảm và sẽ ngừng xuất khẩu vào năm 2016.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

❖ Điểm mạnh

- Công ty hoạt động theo cơ chế điều hành của Tập đoàn, có lợi thế về thị trường đầu ra tương đối ổn định;
- Sản phẩm dịch vụ của Công ty khá đa dạng;
- Khách hàng của Công ty hầu hết là các đơn vị trong ngành nên quan hệ đối tác khá bền vững;
- Hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong sự phát triển của ngành than; trong bối cảnh kinh tế xã hội diễn biến nhanh và phức tạp thì Than là mặt hàng năng lượng chiến lược luôn được Chính phủ coi trọng và có giải pháp duy trì, ổn định trong khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên này.

❖ Điểm yếu

- Dễ bị tác động khi ngành Than phát triển hay suy yếu;
- Công ty có đặc thù kinh doanh thương mại nên nhu cầu sử dụng vốn lưu động ở mức lớn, chi phí tài chính cao, rủi ro tài chính nhiều hơn so với các đơn vị trong ngành;
- Đối với TSCĐ là vật kiến trúc - kho xăng dầu được xây dựng trong khai trường các mỏ (Công ty không sở hữu đất) nên khi quy hoạch mỏ thay đổi, các kho dầu bị di chuyển, phá dỡ toàn bộ không tận dụng được, gây lãng phí;

- Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố khách quan: biến động thị trường (giá cả, lãi suất, tỷ giá...), biến động quy mô sản xuất của ngành;
- Sản phẩm dầu nhờn của Công ty chịu sự cạnh tranh bởi các đối thủ lớn có thương hiệu mạnh trên toàn cầu.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV là đơn vị hậu cần cho ngành sản xuất than với nhiệm vụ chính là cung ứng hàng hóa, vật tư, thiết bị và các dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Bởi vậy, triển vọng phát triển của ngành khai thác và sản xuất than sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới triển vọng phát triển của Công ty trong tương lai.

Về nguồn đầu vào, Việt Nam là nước có tiềm năng về trữ lượng than rất lớn. Khu vực Quảng Ninh lại là nơi tập trung khoảng 67% trữ lượng toàn quốc và cũng có khả năng khai thác lớn nhất. Tuy nhiên, khu mỏ Quảng Ninh đã được khai thác từ thời Pháp thuộc, đến nay đã trên 100 năm nên đã bắt đầu xuất hiện dấu hiệu cạn kiệt, suất đầu tư cho việc khai thác xuống sâu ngày càng tăng.

Về đầu ra, căn cứ Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030, lượng than xuất khẩu (năm 2012 chiếm tới 37% tổng lượng than tiêu thụ, đem lại tới 41% doanh thu toàn Tập đoàn) sẽ dần bị hạn chế, tiến tới ngừng xuất khẩu. Điều này sẽ tác động nghiêm trọng tới sản lượng và doanh thu, gây khó khăn cho toàn ngành trong những năm sắp tới. Tuy nhiên, trên thị trường nội địa, ngành điện là khách hàng tiêu thụ than lớn nhất (hiện đang chiếm khoảng 40%). Với những khó khăn trong phát triển thủy điện và nguồn khí đốt tại Việt Nam, vai trò của nhiệt điện chạy bằng than sẽ ngày càng tăng, kéo theo nhu cầu tiêu thụ than ngày càng lớn. Ngoài ra, các ngành tiêu thụ than khác như xi măng, giấy, hoá chất... khi nền kinh tế phục hồi cũng có tốc độ tăng trưởng cao, hứa hẹn sức cầu lớn về than trong dài hạn.

Những phân tích trên cho thấy nguồn năng lượng than có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển của nền kinh tế. Bởi vậy, triển vọng của ngành cung ứng vật tư, vận tải xếp dỡ than cũng như các hàng hóa khác xét về dài hạn vẫn còn rất tiềm năng.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong dài hạn, nhận định sản lượng khai thác và sản xuất than sẽ vẫn tiếp tục tăng, khiến nhu cầu đối với vật tư, thiết bị và các dịch vụ hậu cần ngành vẫn tăng trưởng ổn định, Công ty sẽ mở rộng sản xuất kinh doanh một cách thận trọng, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động.

Về đầu tư phát triển, công ty tăng cường đầu tư vào các tài sản cố định nhằm nâng cao năng suất sản xuất kinh doanh, sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu đầu vào và tích cực nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.

Về vốn kinh doanh, trước mắt Công ty xây dựng kế hoạch vốn điều lệ 150 tỷ đồng. Trong những năm tiếp theo, căn cứ vào quy mô sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ thực hiện một số hình thức khác để bổ sung vốn kinh doanh như huy động vốn tín dụng hoặc phát hành thêm cổ phiếu, phân đấu niêm yết cổ phiếu Công ty vào năm 2015.

Với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới, định hướng phát triển doanh nghiệp của Công ty cho các năm tới là hoàn toàn phù hợp.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Cơ cấu lao động

Tại thời điểm 30/6/2014, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của MTS là **1.170** người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	1.170	
- Trên đại học	10	0,85
- Đại học	325	27,78
- Trung cấp, cao đẳng	91	7,78
- Lao động phổ thông	129	11,03
- Công nhân kỹ thuật	805	68,80
Phân theo HĐ lao động	1.170	
- Hợp đồng không xác định thời hạn	1.071	91,54
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	99	8,94
- Hợp đồng thời vụ		
Phân theo giới tính	1.170	
- Nam	888	75,90
- Nữ	282	24,1

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

10.2. Chính sách đối với người lao động

Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn luôn được Công ty chú trọng và thực hiện nghiêm túc, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo công việc đều đặn cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:
 - + Năm 2012: 7.788.000 đồng/người/tháng
 - + Năm 2013: 7.986.000 đồng/người/tháng
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản... đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ kịp thời cho người lao động.
- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.
- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng,

việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

11. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Công ty quy định: cổ tức trả cho số vốn thực góp sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất tại Đại hội đồng cổ đông.

Từ năm 2013 trở về trước Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước. Năm 2013, Công ty thực hiện cổ phần hóa và đến tháng 5/2014, Công ty bắt đầu chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

12. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành.

❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Vốn điều lệ	90.500	90.500	150.000
Vốn chủ sở hữu	130.733	130.502	158.029

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty CP Vật tư - TKV)

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình và vô hình. TSCĐ được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 11
Máy móc thiết bị	06 - 11
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các khoản nợ phải trả, không có khoản nợ quá hạn trên một năm.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Điều lệ, Công ty sẽ sử dụng một phần lợi nhuận để thành lập quỹ dự phòng và các quỹ khác mà pháp luật yêu cầu. Số dư các quỹ qua các năm của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Quỹ đầu tư phát triển	5.781	22.602	-
Quỹ dự phòng tài chính	13.701	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	19.168	18.150	25.301

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty CP Vật tư - TKV)

Trong đó, Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ, đầu tư mở rộng quy mô hoạt động SXKD, đổi mới công nghệ trang thiết bị hoặc sử dụng để đầu tư góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần.

❖ **Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	% thay đổi	30/06/2014
I.	Các khoản phải thu	760.817	655.006	-13,91%	915.446
1	Phải thu khách hàng	759.770	654.051	-13,91%	909.701
2	Trả trước người bán	274	308	12,41%	671
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	685	0	-100,00%	4.358
4	Các khoản phải thu khác	116	647	457,76%	716
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-28	0	-100,00%	0
II.	Phải thu dài hạn	0	0		0
	Tổng cộng phải thu	760.817	655.006	-13,91%	915.446

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty CP Vật tư - TKV)

❖ **Các khoản phải trả**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	% thay đổi	30/06/2014
I	Nợ ngắn hạn	876.626	875.532	-0,12%	1.196.366
1	Vay và nợ ngắn hạn	260.691	94.463	-63,76%	375.996
2	Phải trả người bán	556.780	691.832	24,26%	742.180
3	Người mua trả tiền trước	653	1.094	67,53%	977
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.485	3.984	-58,00%	3.175
5	Phải trả người lao động	21.045	31.568	50,00%	41.440
6	Chi phí phải trả	359	82	-77,16%	4.202
7	Phải trả nội bộ	0	1.754	100,00%	0
8	Các phải phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.445	32.605	286,09%	3.095
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	19.168	18.150	-5,31%	25.301
II	Nợ dài hạn	83.376	64.477	-22,67%	55.339
1	Vay và nợ dài hạn	82.994	64.477	-22,31%	55.339
2	Phải trả dài hạn khác	16	0	-100,00%	0
3	Quỹ phát triển KH&CN	366	0	-100,00%	0
	Tổng cộng	960.002	940.009	-2,08%	1.251.705

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty CP Vật tư - TKV)

❖ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	% thay đổi
1. Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,10	1,08	-1,82%
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,89	0,77	-13,48%
2. Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	lần	0,88	0,88	-0,00%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	7,34	7,20	-1,91%
3. Năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	lần	26,09	27,00	3,49%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	5,80	5,79	-0,17%
4. Khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,38%	0,43%	12,09%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,40%	20,18%	9,67%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,20%	2,46%	11,72%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,33%	0,48%	45,75%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty CP Vật tư - TKV)

13. Tài sản (Nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

13.1. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại (30/06/2014)
1	Tài sản cố định hữu hình	468.053	310.122	157.931
	- Nhà cửa, vật kiến trúc	118.050	68.627	49.423
	- Máy móc thiết bị	78.631	37.254	41.377
	- Phương tiện vận tải	268.733	202.038	66.695
	- Thiết bị, dụng cụ quản lý	927	757	170
	- TSCĐ khác	1.712	1.446	266
2	Tài sản thuê tài chính	0	0	0
3	Tài sản cố định vô hình	0	0	0
4	Chi phí xây dựng dở dang	566	0	566
	Tổng cộng	468.619	310.122	158.497

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty CP Vật tư - TKV)

13.2. Tình hình đất đai của Doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014

Tổng diện tích đất đai Công ty đang sử dụng tính đến thời điểm 30/6/2014 như sau:

Loại đất	Diện tích m ²
- Diện tích có GCNQSDĐ (1)	10.597,30
- Diện tích có QĐ thuê đất nhưng chưa có GCNQSDĐ (2)	58.065,80
- Diện tích chưa có QĐ thuê đất (3)	223.437,50
- Diện tích hết hạn thuê đất (4)	73.534,10
- Diện tích giao quản lý trồng và bảo vệ rừng (5)	430.000,00
- Diện tích không có nhu cầu sử dụng	968,00
Tổng	796.602,54

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

Chi tiết về từng vị trí lô đất Công ty đang sử dụng:

TT	Vị trí lô đất	Diện tích (m ²)	Thời hạn sử dụng	Quyền sử dụng	Mục đích sử dụng
1	Văn phòng Công ty (Phường Cẩm Đông)	5.362,6	20 năm từ 1996	Đất thuê trả tiền hàng năm	Văn phòng
2	Kho Cẩm Phả (Phường Cẩm Tây)	8.165,5	20 năm từ 1996	Đất thuê trả tiền hàng năm	Văn phòng, nhà kho
3	Kho dầu Cửa Ông (Phường Cửa Ông)	13.482,5	20 năm từ 1996	Đất thuê trả tiền hàng năm	Kho dầu
4	Kho thiết bị Cửa Ông (Phường Cửa Ông)	11.692	20 năm từ 1996	Đất thuê trả tiền hàng năm	Kho vật tư
5	Văn phòng XN Vật tư Cẩm Phả (P. Cẩm Thủy)	1.100	15 năm từ 1996	Đất thuê trả tiền hàng năm	Văn phòng
6	Cảng bốc xếp vật tư (P. Cửa Ông)	2.865	20 năm từ 1996	Đất thuê trả tiền hàng năm	Cảng, kho bãi
7	Khu cảng bốc xếp vật tư Coalimex (P. Cửa Ông)	4.590,3	10 năm từ 2002	Đang làm thủ tục thuê tiếp	Cảng, kho bãi
8	Khu đất (P. Cẩm Thạch)	3.019		Chưa có QĐ thuê đất	
9	Cảng Vũng Hoa 1 (P. Cửa Ông)	46.430	5 năm từ 2002	Đang làm thủ tục thuê tiếp	Cảng, kho bãi
	Văn phòng làm việc cảng Vũng Hoa (P. Cửa Ông)	475	24 năm từ năm 2002	Đất thuê trả tiền hàng năm	Văn phòng
10	Cảng Vũng Hoa 2 (P. Cẩm Đông)	10.210	Hết hạn thuê năm 2001	Đang làm thủ tục thuê tiếp	Cảng, kho bãi
11	CH xăng dầu Mông Dương (P. Mông Dương)	1.280	50 năm từ 2013	QDS đất	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu
12	Văn phòng XN Xếp Dỡ (P. Cẩm Sơn)	2.802,5	10 năm từ 2004	Đất thuê trả tiền hàng năm	Văn phòng
13	Cảng Vũng Đục (P. Cẩm Đông)	7.069	Hết hạn thuê năm 2001	Đang làm thủ tục thuê tiếp	Cảng, kho bãi
14	Đảo Thẻ Vàng	3.750	10 năm từ 2006	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà nghỉ ca công nhân
15	Đảo Vạn Duội (Huyện Vân Đồn)	430.000		Đất giao	Trồng rừng

TT	Vị trí lô đất	Diện tích (m ²)	Thời hạn sử dụng	Quyền sử dụng	Mục đích sử dụng
16	Văn phòng XN Vận tải thủy (P. Cẩm Thịnh)	5.244,5	20 năm từ 1996	Đất thuê trả tiền hàng năm	Văn phòng
17	Văn phòng XN Dầu Nhòn(P. Cẩm Tây)	5.064,34	10 năm từ 2003	Đang làm thủ tục thuê tiếp	Văn phòng
18	Khu tập thể 2 tầng (P. Cẩm Tây)	170,5	10 năm từ 2003	Đang làm thủ tục thuê tiếp	Văn phòng
19	Kho vật tư Quang Hanh (P. Quang Hanh)	6.726,6	50 năm từ 2005	QSD đất	Kho vật tư
20	Khu đất xã Việt Hưng – Hoàn Bồ	1.728,5	15 năm từ 2002	QSD đất	
21	CH xăng dầu Cột 5 (TP Hạ Long)	862,2	50 năm từ 2004	QSD đất	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu
22	Phân xưởng cơ khí thủy (P. Cẩm thịnh)	183.500		Chưa có QĐ thuê đất	Xưởng sửa chữa, đóng mới tàu, sà lan
23	Đường đi chung (P. Cửa Ông)	4.918,5		Chưa có QĐ thuê đất	Đường đi
24	Đảo Thề Vàng (H. Vân Đồn)	32.000		Chưa có QĐ thuê đất	Quản lý và bảo vệ rừng
25	Xưởng Sato (TP. Hạ Long)	3.180		Đất thuê trả tiền hàng năm	
26	Khu tập thể Hải Tạo (P. Cẩm Tây)	968	20 năm từ 1996	Đang làm thủ tục trả lại	Nhà ở tập thể
Tổng cộng		796.602,54			

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

- (1) Diện tích đất có GCNQSDĐ là đất thuê trả tiền hàng năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- (2) Diện tích đất có quyết định thuê đất, có hợp đồng thuê đất nhưng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- (3) Diện tích đất chưa có quyết định thuê đất Công ty đang hoàn thiện các thủ tục xin thuê đất.
- (4) Diện tích đã hết hạn thuê: Công ty đang làm thủ tục để gia hạn thuê đất.
- (5) Diện tích đất giao quản lý trồng và bảo vệ rừng: gồm 1 mảnh tại Đảo Vạn Duệ với diện tích 430.000 m².

13.3. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

❖ Nhà xưởng, vật kiến trúc

Chủ yếu là văn phòng làm việc của Công ty, hệ thống các kho xăng dầu. Phần lớn trong số này đã được đầu tư từ lâu.

Hệ thống các kho xăng dầu tuy có giá trị khá cao, song do nằm chủ yếu tại khai trường của các mỏ (không phải đất do Công ty sở hữu). Khi quy hoạch mỏ thay đổi thì các kho dầu lại phải di chuyển phá dỡ và thay đổi theo, giá trị thu hồi không đáng kể. Đây là sự khác biệt của các kho xăng dầu trên mỏ so với kho dưới mặt bằng đô thị ổn định.

❖ **Máy móc thiết bị**

Máy móc thiết bị Công ty bao gồm máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất và kinh doanh dịch vụ cung ứng (Xăng, Dầu Diesel, dầu nhớt, mỡ máy). Phần lớn các máy móc thiết bị này được đầu tư từ lâu (khoảng trên dưới 10 năm), khả năng hoạt động và làm việc có nhiều hạn chế.

❖ **Phương tiện vận tải**

Gồm 23 đoàn phương tiện vận tải thủy và hệ thống các xe ô tô con, ô tô vận tải đường bộ phục vụ sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, trong số phương tiện vận tải trên có 23 đoàn phương tiện vận tải thủy chở than nội địa và xuất khẩu có giá trị lớn nhưng chỉ chiếm khoảng 10% doanh thu toàn Công ty. Đây là đơn vị hoạt động không hiệu quả, thường xuyên bị lỗ, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2014 và 2015 như sau:

STT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Năm 2014		Năm 2015	
			Kế hoạch	%tăng giảm so với 2013	Kế hoạch	%tăng giảm so với 2014
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	5.334.200	-13,92%	5.551.460	4,07%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	23.171	-35,66%	24.477	5,64%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	18.073	-31,38%	19.092	5,64%
4	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	150.000	14,94%	150.000	0,00%
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,34%	-20,29%	0,34%	1,50%
6	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,05%	-40,30%	12,73%	5,64%
7	Cổ tức	%	10,00%		10,50%	5,00%

(Nguồn: Công ty CP Vật tư - TKV)

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch**

➤ **Nâng cao hiệu quả tổ chức quản lý**

- Công ty chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong những năm tiếp theo.

- Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia SXKD; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.
- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc. Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của CBCNV trong Công ty, thực hiện đúng cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.
- Thực hiện quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty thông qua bộ máy điều hành tập trung và sử dụng có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý: GPS, Camera, que đo bồn... Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán...

➤ **Tăng doanh thu, giảm chi phí**

- Mở rộng và phát triển các hoạt động SXKD dựa trên thế mạnh của Công ty, tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các bạn hàng với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên; đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp các tiện ích, dịch vụ gia tăng cho khách hàng; coi đây là yếu tố tạo ra nguồn lực có tính quyết định tới sự phát triển bền vững của Công ty.
- Đầu tư thay thế trang thiết bị cũ và đổi mới thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí trực tiếp đến giá thành sản phẩm, dịch vụ như các xe trọng tải lớn trong vận chuyển dầu, gầu ngoạm tự động cho bốc xếp...
- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm dầu nhờn mới: Dầu siêu vi nhũ, dầu cho nhu cầu dân sinh và các sản phẩm khác phục vụ cho nhu cầu xã hội.
- Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật ở tất cả các khâu. Coi đây là biện pháp quan trọng nhất trong quản lý các yếu tố vật liệu, nhiên liệu.
- Tiết kiệm trong chỉ huy điều hành bằng việc bố trí phương tiện hợp lý, tăng khả năng vận chuyển hàng hai chiều. Cán bộ chỉ huy phải cân nhắc kỹ trước khi ra quyết định điều động phương tiện.

- Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện: Công tác chăm sóc bảo quản thiết bị, phương tiện được chú trọng thường xuyên, vận hành đúng quy trình kỹ thuật nhằm kéo dài tuổi thọ, giảm chi phí sửa chữa.

15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có

16. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Xây dựng MTS trở thành một Công ty hàng đầu tại Việt nam trong lĩnh vực cung ứng vật tư, xăng dầu và dịch vụ logistic phục vụ hoạt động khai thác than, khoáng sản và các loại hàng hóa khác. Tập trung phát triển sản phẩm, dịch vụ có thế mạnh: sản xuất dầu nhờn, dịch vụ bốc xếp trên biển;
- Phân đấu niêm yết cổ phiếu của Công ty trên thị trường giao dịch chứng khoán tập trung trong năm 2015;
- Với phương châm: “MTS vì khách hàng phục vụ”, Công ty luôn nỗ lực phân đấu để đem đến cho khách hàng sự hài lòng nhất bằng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng, khẳng định thương hiệu MTS ở trong và ngoài nước.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có)

Không có

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, chi tiết như sau:

1. Ông Vũ Đức Tuấn : Chủ tịch HĐQT – Giám đốc
2. Ông Nguyễn Mạnh Cường : Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc
3. Ông Nguyễn Thế Hùng : Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc
4. Ông Trần Quốc Thành : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Xí nghiệp
5. Ông Tạ Quang Tuấn : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Xí nghiệp

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

1.1.1. Ông Vũ Đức Tuấn – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Vũ Đức Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/10/1959
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Tổ 3B, Khu 6, Phường Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100624782 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 16/5/2007
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

03/1999 - 01/2003	Phó giám đốc Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
02/2003 - 06/2010	Giám đốc Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
06/2010 - 04/2014	Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomin
05/2014 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV

Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	5.900 cổ phần chiếm 0,04% tổng số cổ phần của Công ty
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	27.000.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

1.1.2. Ông Nguyễn Mạnh Cường - Ủy viên HĐQT/ Phó Giám đốc công ty

Họ và tên	Nguyễn Mạnh Cường
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/03/1960
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Tổ 80, Khu 5, Phường Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100041008 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 9/9/2004
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

1979 - 1992	Nhân viên Công ty Than Đèo Nai
1992 - 06/2010	Nhân viên - Phó phòng Kế hoạch - Phó giám đốc xí nghiệp - Trưởng phòng Kế hoạch - Phó giám đốc Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
06/2010 - 04/2014	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomin

05/2014 đến nay	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay	Ủy viên thường trực HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	6.400 cổ phần chiếm 0,04% tổng số cổ phần của Công ty
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	25.000.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

1.1.3. Ông Nguyễn Thế Hùng - Ủy viên HĐQT / Phó Giám đốc công ty

Họ và tên	Nguyễn Thế Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	07/03/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	186 Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100500336 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 21/2/2006
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ
Quá trình công tác	
11/1986 - 11/1987	Công nhân - XN Vận tải ô tô Cẩm Phả

01/2004 - 02/2004	Phó trưởng phòng Kế toán Công ty Vật tư VT & xếp dỡ
07/2007 - 11/2010	Trưởng phòng Thương mại Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
12/2010 - 04/2014	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomin
05/2014 đến nay	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	7.600 cổ phần chiếm 0,05% tổng số cổ phần của Công ty
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	25.000.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

1.1.4. Ông Trần Quốc Thành - Ủy viên HĐQT

Họ và tên	Trần Quốc Thành
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/08/1973
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Tổ 1, Khu 5, Phường Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100611961 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 9/9/2004
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư

Quá trình công tác

01/1995 - 06/2010	Công tác tại Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
06/2010 - 04/2014	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomin
05/2014 đến nay	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ trực thuộc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ trực thuộc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư Vật tư vận tải & xếp dỡ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	5.416 cổ phần chiếm 0,04% tổng số cổ phần của Công ty
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	20.000.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

1.1.5. Ông Tạ Quang Tuấn - Ủy viên HĐQT

Họ và tên	Tạ Quang Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	24/03/1973
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Lạng Sơn
Địa chỉ thường trú	Tổ 11, Khu 9, Phường Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100587746 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 14/10/2004

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
07/2006 - 03/2008	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
04/2008 - 06/2010	Phó giám đốc Công ty Vật tư vận tải & xếp dỡ
06/2010 - 04/2014	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải & xếp dỡ - Vinacomin
05/2014 đến nay	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả trực thuộc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả trực thuộc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần đang sở hữu (cổ phần của tổ chức đăng ký giao dịch)	763.900 cổ phần chiếm 5,09% tổng số cổ phần của Công ty
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	20.000.000 đ/tháng
Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch	Không

2. Ban kiểm soát

Gồm 03 người, trong đó:

- Trưởng ban kiểm soát: Ông Hoàng Văn Kiệt
 - o Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
 - o Chức vụ hiện nay: Phó trưởng ban Kiểm soát nội bộ HĐTV Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- Thành viên ban kiểm soát: Bà Phạm Thị Ngọc Bích
 - o Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán;
 - o Chức vụ hiện nay: Phó trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư Công ty Cổ phần Vật

tư - TKV

- Thành viên ban kiểm soát: Ông Phạm Văn Quảng
 - o Trình độ chuyên môn: Cử nhân;
 - o Chức vụ hiện nay: Phó trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư Công ty Cổ phần Vật tư - TKV

3. Giám đốc và các cán bộ quản lý

3.1 Giám đốc: Ông Vũ Đức Tuấn

3.2 Ban điều hành:

- Giám đốc : Ông Vũ Đức Tuấn
- Phó giám đốc : Ông Nguyễn Mạnh Cường
- Phó giám đốc : Ông Nguyễn Thế Hùng
- Phó giám đốc : Ông Trương Quang Vệ
 - o Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
 - o Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư – TKV
 - o Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Kế toán trưởng : Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
 - o Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
 - o Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vật tư – TKV
 - o Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

3.3 Các cán bộ quản lý:

- Giám đốc Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả: Ông Tạ Quang Tuấn
- Giám đốc Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai: Ông Đặng Văn An
- Giám đốc Xí nghiệp Vận tải, xếp dỡ: Ông Trần Quốc Thành
- Giám đốc Chi nhánh Hà nội: Ông Vũ Ngọc Linh
- Trưởng Phòng Tổ chức lao động: Ông Phạm Quốc Cường
- Trưởng Phòng Thương mại: Ông Vũ Xuân Hạ
- Trưởng Phòng Kỹ thuật - An toàn: Ông Trần Quốc Trường
- Trưởng Phòng Kế toán Tài chính: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
- Trưởng Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Ông Tiêu Thanh Bình
- Chánh văn phòng: Ông Nguyễn Quyết Thắng
- Phụ trách Phòng Kiểm soát nội bộ: Ông Hoàng Văn Kiệm

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty vừa thực hiện chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần, do vậy công tác quản trị công ty cổ phần đối với Công ty là khá mới. Ban đầu, Công ty cơ cấu lại nhân sự, tập trung đào tạo nhân sự chủ chốt là các cán bộ quản lý, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và những kiến thức, kinh nghiệm trong quản lý, điều hành công ty cổ phần. Đồng thời, Công ty sẽ xây dựng một số quy trình như quy trình công bố thông tin, triệu tập ĐHCĐ..., Xây dựng cơ chế giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty; giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty. Tiến tới, Công ty sẽ cơ cấu

lại thành viên HĐQT để đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và không điều hành trong đó tối thiểu 1/3 tổng số thành viên trong HĐQT phải là thành viên HĐQT không điều hành Công ty.

IV. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
- 3. Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, năm 2013, 6 tháng 2014
- 4. Phụ lục IV:** Danh sách cổ đông tại ngày 30/6/2014

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 10 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vũ Đức Tuấn